TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/01/2018
"V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tường Thoại
2. Bà Trần Bích Thủy

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thanh Huế, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2017/ TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 16/390 Đinh Tiên H, phường Thuận L, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ cư trú: 158 Tôn Thất Thiệp, thành phố Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn N; địa chỉ cư trú: Số 16/390 Đinh Tiên H, phường Thuận Lộc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và ông Lê Văn N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 09/11/1998 tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình vợ chồng chung sống cùng nhau tại số nhà 16/390 Đinh Tiên Hoàng, thành phố Huế trong thời gian dài không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp cùng nhau trong cuộc sống, anh N không đóng góp công sức-tiền bạc để cùng chị nuôi con, chị phải một mình gánh vác làm nhiều công việc để

kiếm tiền nuôi 2 con nhỏ, chị đã nhẫn nhịn chịu đựng trong thời gian quá dài, dù không tìm được hạnh phúc trong hôn nhân nhưng vì con còn nhỏ nên cố gắng chịu đựng. Chị và anh N đã ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn vợ chồng không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau nữa, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Lê Văn N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Lê Võ Bá P, sinh năm 1999 và Lê Võ Gia B, sinh ngày 05/01/2001. Lê Võ Bá P đã thành niên, ở với ai là quyền của con. Riêng Lê Võ Gia chưa thành niên, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Võ Gia B đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Nghĩa phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Văn N trong quá trình tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N cố tình trốn tránh và vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 18/7/2017, anh Lê Võ Bá P là con trai của chị H và anh N trình bày: Ba và mẹ anh sống không hạnh phúc, ba của anh không chăm lo cho gia đình và cuộc sống của các con, tất cả đều do một mình mẹ của anh gánh vác. Nay anh đã thành niên, anh không có ý kiến gì, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Cháu Lê Võ Gia B, con của chị H và anh N trình bày: Ba và mẹ không hạnh phúc, hiện nay, ba và mẹ đã không còn sống cùng một nhà, nếu ba mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Tòa án đã xác minh tình trạng mâu thuẫn gia đình của anh Ng-chị H thông qua những người thân trong gia đình có cùng địa chỉ cư trú với anh N, bà Nguyễn Thị V- mẹ ruột anh Lê Văn N, bà Lê Thị Thanh T- em gái của anh N, cùng trình bày: Anh N đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt, nhưng không đến Tòa án làm việc vì anh N cho rằng quá bận rộn, không có thời gian. Về mâu thuẫn gia đình thì giữa anh N- chị H phát sinh xung đột đã rất lâu, gia đình cũng đã tìm mọi cách hòa giải nhưng không thành, tính đến thời điểm này, hai bên đã sống ly thân hơn 04 năm, không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống chung không còn ý nghĩa, các bà cùng cho rằng ly hôn là giải pháp tốt nhất cho cả anh N và chị H.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Lê Văn N; về con chung: Anh Lê Võ Bá P đã thành niên, ở với ai là quyền của anh P, riêng Lê Võ Gia B chưa

thành niên, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Võ Gia B đến tuổi trưởng thành, phù hợp với nguyện vọng của cháu B, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Võ Gia B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Lê Văn N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn cố tình vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

* *Quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường Thuận Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/11/1998, đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị H và anh N là hợp pháp.

Xét lời khai của chị Nguyễn Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình hôn nhân của chị và anh N đã phát sinh mẫu thuẫn kéo dài mà nguyên nhân là do giữa hai bên bất đồng về quan điểm, không hòa hợp cùng nhau trong cuộc sống, anh N không chia sẻ trách nhiệm nuôi dạy con cùng vợ. Là một người phụ nữ, chị H mong muốn được chồng trân trọng, yêu thương và cùng nhau san sẻ về nhiều vấn đề trong cuộc sống, nhưng thực tế hôn nhân của chị đã không đạt được điều đó. Hiện tại, tình cảm chị H dành cho anh N không còn, hai bên đã sống ly thân từ hơn bốn năm nay, cuộc sống của ai người đó lo, không quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy, hôn nhân của chị H và anh N thực sự không hạnh phúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do anh N cố tình trốn tránh, không hợp tác, anh N đã biết được việc chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh; Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh N vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng, xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình trước Tòa án.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Lê Văn N cư trú, cho biết: Anh Lê Văn N thường trú tại số 16/390 Đinh Tiên Hoàng, phường Thuận Lộc, thành phố Huế. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh N đã rất trầm trọng, hai bên đã sống ly thân nhau từ hơn 4 năm nay, chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Theo chính quyền địa phương, ly hôn là giải pháp tốt nhất cho gia đình chị Hanh N.

Kết quả xác minh từ những người thân trong gia đình anh Nđều cho rằng mâu thuẫn giữa anh N- chị H đã rất trầm trọng, kéo dài, tình cảm hai bên đã không còn, hôn nhân không có hạnh phúc.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Văn N đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

* *Về con chung*: Chị Hvà anh N có 02 con chung là Lê Võ Bá P, sinh năm 1999 và Lê Võ Gia B, sinh ngày 05/01/2001. Anh Lê Võ Bá Phc đã thành niên, Tòa án không xem xét. Cháu Lê Võ Gia B chưa thành niên, chị Hcó nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, yêu cầu của chị H phù hợp với nguyện vọng của cháu B, có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

* *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* *Về án phí ly hôn*: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử :

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Xử: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Lê Văn N.

2.Về con chung: Giao cháu Lê Võ Gia B, sinh ngày 05/01/2001 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị H đã nộp tại biên lai số AA/2013/002911 ngày 13/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì ngươi được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-*TAND TT. Huế*;
-*VKSND TP. Huế;*
- *THADS TP. Huế*;
- *Nguyên đơn, bị đơn;*
- *UBND P. Thuận Thành ;*
- *Lưu dán;*
- *Lưu hồ sơ.*

Mai Thị Mộng Trinh (Đã ký)